

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 876/2026/HS-ST.

Ngày: 18/6/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Gái;

Ông Phạm Thế Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyển – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 627/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 980/2026/QĐXXST-HS ngày 21/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1324/2026/QĐST-HS ngày 11/6/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bành Thị Ngọc L**, sinh năm 1979; nơi thường trú và cư trú hiện tại: 82 Quốc lộ A cũ, Khu phố G, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Không. Cha tên Bành Văn T (chết), Mẹ tên Nguyễn Thị N (sinh năm 1951), chồng tên Nguyễn Văn Đ (chết); có 01 người con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

2. Họ và tên: **Huỳnh Ngọc L1**, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: Đ, thôn T, xã T, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: 350/21/42 Đường T, Khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không. Cha tên Huỳnh Văn S (không rõ năm sinh), Mẹ tên Lê Thị A (sinh năm 1966), vợ tên Trần Thị Bích T1 (sinh năm

1989), có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2021. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 22/11/2025, Công an phường H, Thành phố Hồ Chí Minh đến kiểm tra hành chính tử vé số của Huỳnh Ngọc L1 tại địa chỉ số H Quốc lộ A cũ, Khu phố G, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện L1 nhận mua, bán lô số đề, Công an phường tiến hành mời L1 về trụ sở làm việc.

Tại Công an phường, Huỳnh Ngọc L1 khai nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức bán lô số đề thắng thua bằng tiền cho Nguyễn Thị L2, Bùi Thị Ngọc L3, Trần Thị Thu M và một số khách vắng lai, L1 không rõ nhân thân lai lịch, tại địa chỉ 82 Quốc lộ A cũ, Khu phố G, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nhận mua các số lô số đề từ các đối tượng trên L1 không Sau khi nhận mua các số lô số đề từ các đối tượng trên L1 không giữ lại hay đánh thêm các số lô đề khác mà L1 chuyển hết cho L. L1 được hưởng lợi từ việc chuyển các số lô đề cho L như sau: Khi khách mua 1.000.000 đồng, L1 được chiết khấu 30.000 đồng; khi khách trúng thưởng, nếu mua ô số có hai chữ số thì mua 1.000 đồng sẽ được chiết khấu số tiền 1.000 đồng, mua ô số có ba chữ số thì mua 1.000 đồng sẽ được chiết khấu số tiền 10.000 đồng, nếu mua cặp số đá thì mua 1.000 đồng sẽ được chiết khấu 10.000 đồng. Cách thức L1 mua số đề của L như sau: L1 mua ô số lô đề của L sẽ được chiết khấu 23% trên tổng số tiền mua ô số lô đề; khi L1 trúng thưởng, nếu mua ô số có hai chữ số thì mua 1.000 đồng sẽ trả thưởng số tiền 74.000 đồng, mua ô số có ba chữ số thì mua 1.000 đồng sẽ trả thưởng số tiền 640.000 đồng, nếu mua cặp số đá thì mua 1.000 đồng sẽ trả thưởng 540.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, L và L1 khai nhận đã bán lô số đề cho các đối tượng mua số đề vào các ngày sau:

- Ngày 19/11/2025, số tiền L1 bán lô số đề gồm:

+ Đài miền N: Tổng số tiền bán là 4.156.000 đồng trong đó bán cho Nguyễn Thị L2 là 2.860.000 đồng, bán cho Bùi Thị Ngọc L3 240.000 đồng, khách vắng lai là 1.056.000 đồng (ngày này khách vắng lai trúng 2.220.000 đồng), như vậy tổng số tiền giao và thắng của khách là 4.156.000 đồng + 2.220.000 đồng = 6.376.000 đồng;

+ Đài miền B: Tổng số tiền bán là 3.604.000 đồng, trong đó bán cho chị Nguyễn Thị L2 là 2.890.000 đồng, bán cho Trần Thị Thu M là 594.000 đồng, khách vãng lai đánh 156.000 đồng;

Tổng số tiền L1 giao số lô số đề ngày 19/11/2025 cho L là: 7.760.000 đồng, thực tế giao cho L (trừ tiền hoa hồng) là: 5.975.000 đồng, Lâm thu của khách là 6.208.000 đồng; tổng số tiền L1 được hưởng lợi là 233.000 đồng.

- Ngày 20/11/2025 số tiền L1 bán lô số đề gồm:

+ Đài miền N: Tổng số tiền bán là 3.321.000 đồng, trong đó bán cho Nguyễn Thị L2 là 2.080.000 đồng, bán cho Bùi Thị Ngọc L3 240.000 đồng, khách vãng lai 1.001.000 đồng;

+ Đài miền B: Tổng số tiền bán là 3.632.000 đồng trong đó bán cho Nguyễn Thị L2 là 2.560.000 đồng, bán cho Trần Thị Thu M là 378.000 đồng, khách vãng lai là 694.000 đồng;

+ Đài miền T2: Tổng số tiền bán là 126.000 đồng của khách vãng lai.

Tổng số tiền L1 giao số lô số đề ngày 20/11/2025 cho L là: 7.079.000 đồng, thực tế giao cho L là: 5.450.000 đồng, Lâm thu của khách là 5.663.000 đồng; tổng số tiền L1 được hưởng lợi là 213.000 đồng.

- Ngày 21/11/2025 số tiền L1 bán lô số đề gồm:

+ Đài miền N: Tổng số tiền bán là 3.135.000 đồng, trong đó bán cho Nguyễn Thị L2 là 2.000.000 đồng, khách vãng lai là: 1.135.000 đồng (ngày này khách vãng lai trúng 540.000 đồng);

+ Đài miền B: Tổng số tiền bán là 2.662.000 đồng, trong đó bán cho Nguyễn Thị L2 là 1.960.000 đồng, khách vãng lai 702.000 đồng.

+ Đài miền T2: Tổng số tiền bán là 216.000 đồng của khách vãng lai đồng (ngày này khách vãng lai trúng 540.000 đồng).

Tổng số tiền L1 giao số lô số đề ngày 21/11/2025 cho L là: 6.013.000 đồng, thực tế giao cho L là: 4.630.000 đồng, Lâm thu của khách là 4.810.000 đồng; tổng số tiền L1 được hưởng lợi là 180.000 đồng.

- Ngày 22/11/2025 số tiền L1 bán lô số đề là: Đài miền N: Tổng tiền bán là 4.196.000 đồng, trong đó bán cho Nguyễn Thị L2 là 2.840.000 đồng, khách vãng lai là 1.356.000 đồng. Tổng số tiền L1 giao số lô số đề ngày 22/11/2025 cho L là: 4.196.000 đồng, thực tế giao cho bà L là: 3.230.000 đồng, Lâm thu của khách là 3.356.000 đồng; tổng số tiền L1 được hưởng lợi là 126.000 đồng.

- Tổng số tiền Huỳnh Ngọc L1 được hưởng lợi từ việc mua bán số lô số đề trong các ngày 19, 20, 21, 22/11/2025 tổng cộng là: 752.000 đồng.

- Tổng số tiền thu lợi bất chính của Bành Thị Ngọc L các ngày 19, 20, 21, 22/12/2025 tổng cộng là: 15.985.000 đồng, cụ thể: Số tiền L nhận số lô số đề ngày 19/11/2025 của L1 là 7.760.000 đồng, thực tế nhận 5.975.000 đồng, khách trúng 2.220.000 đồng, số tiền hưởng lợi là 3.755.000 đồng; số tiền L nhận số lô số đề ngày 20/11/2025 của L1 là 7.079.000 đồng, thực tế nhận 5.450.000 đồng, khách không trúng, số tiền hưởng lợi là 5.450.000 đồng; số tiền L nhận số lô số đề ngày 21/11/2025 của L1 là 6.013.000 đồng, thực tế nhận 4.630.000 đồng, khách trúng 1.080.000 đồng, số tiền hưởng lợi là 3.550.000 đồng; tổng số tiền L nhận số lô số đề ngày 22/11/2025 của L1 là 4.196.000 đồng, thực tế nhận 3.230.000 đồng, khách không trúng, số tiền hưởng lợi là 3.230.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKSHCM-KV ngày 23/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Bành Thị Ngọc L, Huỳnh Ngọc L1 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 (sau đây viết tắt là BLHS).

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng.

- Các bị cáo Bành Thị Ngọc L, Huỳnh Ngọc L1 đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đều nhất trí với nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

- *Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội:* Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra, lời nhận tội của các bị cáo cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bành Thị Ngọc L, Huỳnh Ngọc L1 phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Bành Thị Ngọc L, Huỳnh Ngọc L1 mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về vật chứng và án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý, giải quyết theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận mình có tội; đối với mức hình phạt, các bị cáo đều mong Hội đồng xét xử xem xét mức thấp nhất, cho các bị cáo được hưởng án treo để ở nhà chăm lo cho gia đình.

- Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo, áp dụng hình phạt khoan hồng nhất, cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt, tiếp tục công việc để kiếm thu nhập nuôi sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với tang vật, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 19/11/2025 đến ngày 22/11/2025, tại địa chỉ 82 Quốc lộ A cũ, Khu phố G, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, Bành Thị Ngọc L, Huỳnh Ngọc L1 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô số đề thắng thua bằng tiền cho Nguyễn Thị L2, Bùi Thị Ngọc L3, Trần Thị Thu M và một số khách vắng lai nhiều lần. Trong đó, ngày 19/11/2025 L và L1 đã bán số lô số đề với số tiền thắng thua Đài miền N1 là 6.356.000 đồng.

Xét các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ đánh bạc dưới hình thức ghi số đề thắng thua bằng tiền như trên là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi trên của các bị cáo đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.356.000 đồng (dưới 50.000.000 đồng) nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh

theo điều khoản, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng. Theo đó, bị cáo L là người giữ vai trò chủ mưu, bị cáo L1 thực hiện hành vi ghi và bán số đề cho L để hưởng hoa hồng. Do đó, khi xem xét hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc về vai trò, mức độ hành vi phạm tội như trên của từng bị cáo để có mức án tương xứng, phù hợp quy định. Bị cáo L là người thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc bằng hình thức ghi lô đề để nhằm mục đích thu lợi bất chính; bị cáo L1 là người giúp sức cho bị cáo L và hưởng tiền hoa hồng, tuy nhiên do việc ghi số đề không cùng lúc cho 10 người trở lên, cũng như tổng số tiền ghi đề trong cùng một lần chưa đến 20.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo L, L1 không đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; bài bạc là tệ nạn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội, làm tiêu tán tài sản, kinh tế của nhiều gia đình, do đó để đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, xét xử và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, xét các bị cáo đều có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; bản thân đều là những người lao động mang lại thu nhập chính để nuôi sống gia đình, do đó đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính trong gia đình, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo cũng đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, thật sự ăn năn hối cải. Xét bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho bị

cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và Pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục công việc, chăm lo cho gia đình.

[5] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền bị cáo L thu được từ việc thực hiện hành vi mua bán số lô số đề tổng cộng là 15.985.000 đồng, số tiền bị cáo Lâm thu được từ tiền hoa hồng bán số lô số đề cho L tổng cộng là 752.000 đồng, xét đây là tiền thu lợi bất chính nên cần buộc các bị cáo giao nộp lại sung Ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, màu xanh dương; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax; 01 điện thoại di động hiệu Itel P55 màu xanh dương. Xét đây là những chiếc điện thoại các bị cáo dùng để liên lạc với nhau thực hiện hành vi mua bán số lô số đề, do đó cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh lá cây, đây là tài sản riêng của bị cáo L, không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần giao trả lại cho bị cáo L theo quy định.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với Bùi Thị Ngọc L3, Trần Thị Thu M, Nguyễn Thị L2 tham gia đánh bạc dưới hình thức mua số lô số đề thắng thua bằng tiền, tuy nhiên số tiền tham gia đánh bạc của L3, L2 và M dưới 5.000.000 đồng chưa đủ yếu tố để cấu thành tội “Đánh bạc” nên không xem xét xử lý hình sự là đúng quy định.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025),

- Xử phạt bị cáo **Bành Thị Ngọc L** 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc L1** 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bành Thị Ngọc L cho Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Huỳnh Ngọc L1 cho Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được cho hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro, màu xanh dương; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax; 01 điện thoại di động hiệu IteL P55 màu xanh dương.

- Trả lại cho bị cáo Bành Thị Ngọc L: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh lá cây.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số PNK26/2/626 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về việc buộc nộp tiền thu lợi bất chính:

- Buộc bị cáo Bành Thị Ngọc L nộp số tiền 15.985.000 (mười lăm triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Huỳnh Ngọc L1 nộp số tiền 752.000 (*bảy trăm năm mươi hai nghìn*) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo: Bành Thị Ngọc L, Huỳnh Ngọc L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo Bành Thị Ngọc L, Huỳnh Ngọc L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Hội đồng xét xử đã giải thích về chế định án treo cho các bị cáo).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2-TP.HCM;
- Công an TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 2-TP.HCM;
- Thi hành án hình sự; các bị cáo;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (Đ-Kim Anh), 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Danh Đời